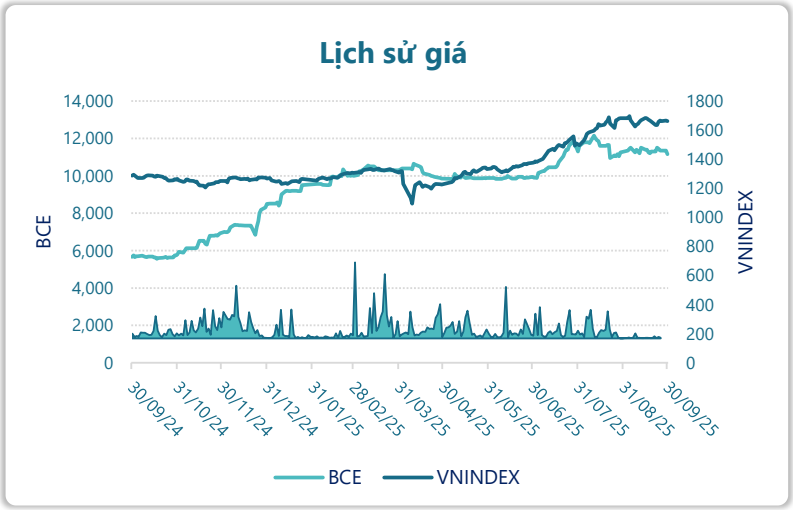
FireAnt

CTCP Xây dựng và Giao thông Bình Dương (HSX: BCE)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,150**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,150
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,560
SL cổ phiếu LH	35,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	93,640
% sở hữu nước ngoài	3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	390
P/E	4.8
EPS	2,332

DT thuần

Q3/25

190

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 72.0| 61.0%

YoY: ▲ 180| 1726%

LN sau thuế

Q3/25

3.09

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.48| -44.6%

YoY: ▲ 12.8| 132%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.2%

+/- YoY: ▲ 87.5%

DT thuần

9T 2025

317

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 280| 746%

LN sau thuế

9T 2025

3.55

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29.8| 114%

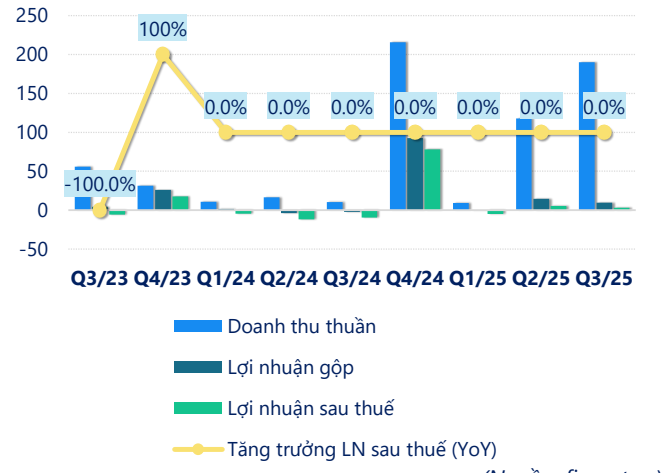
ROE

Q3/25

23.4%

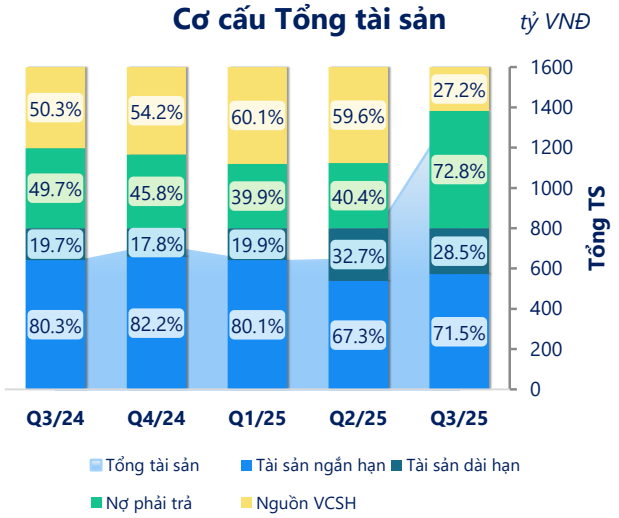
+/- YoY: ▲ 26.2%

Kết quả kinh doanh



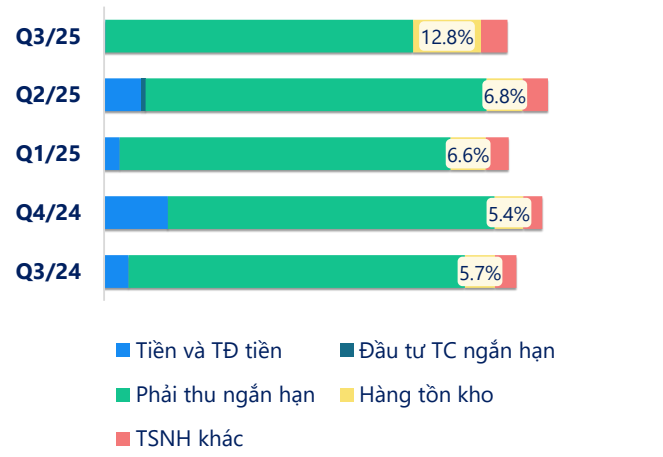
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



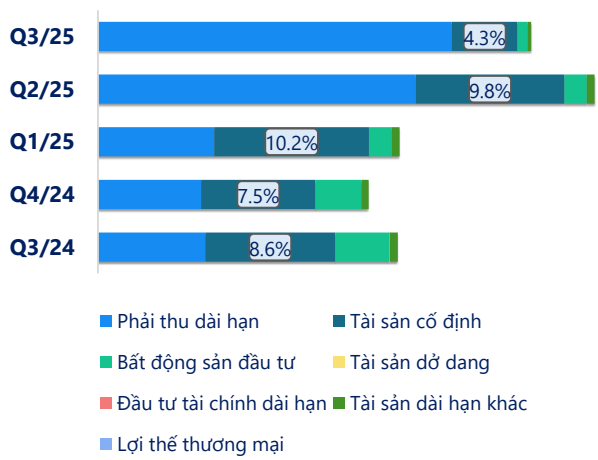
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



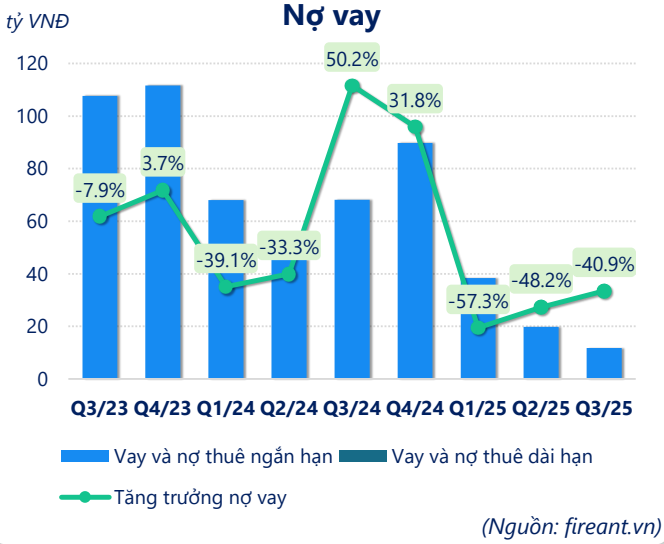
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



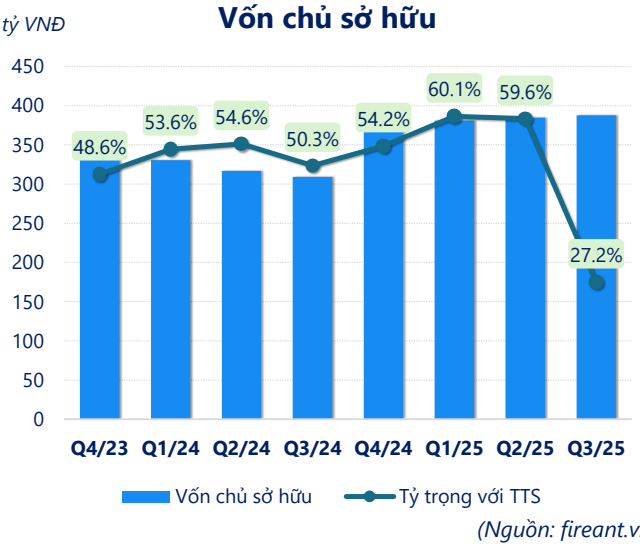
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



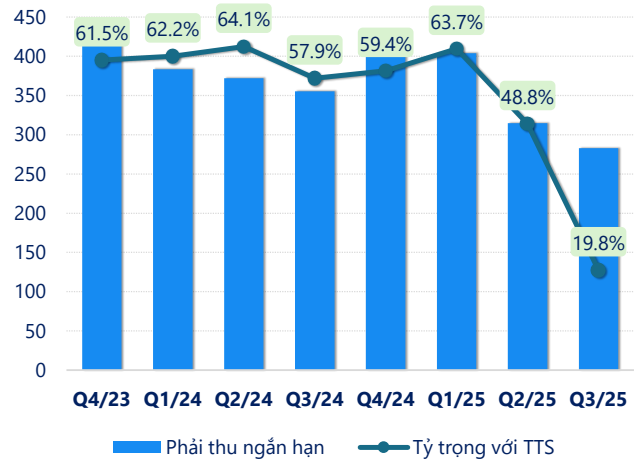
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



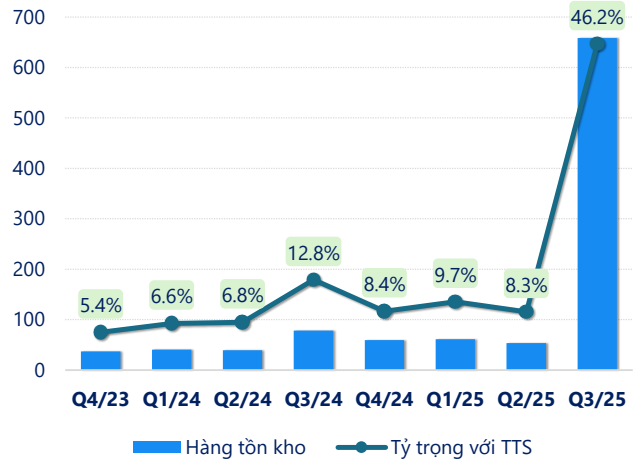
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



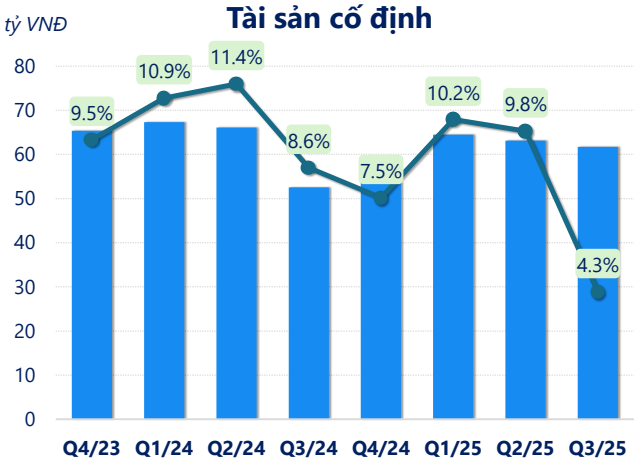
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



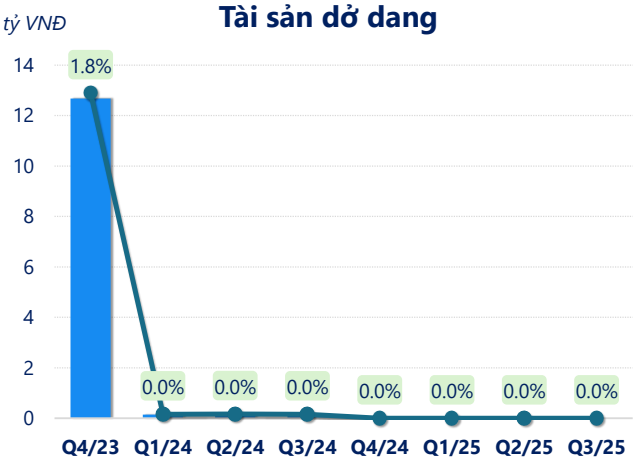
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



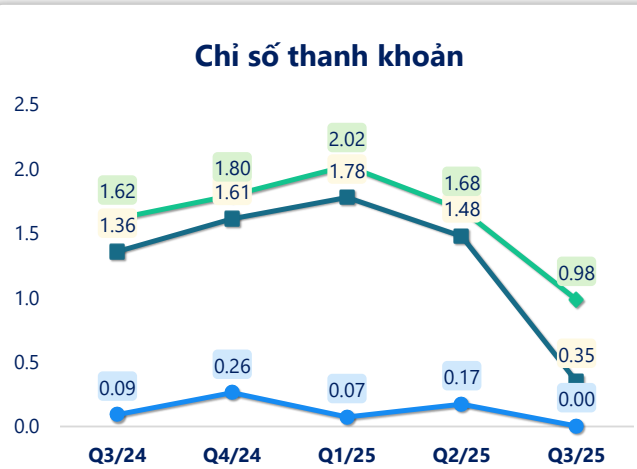
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



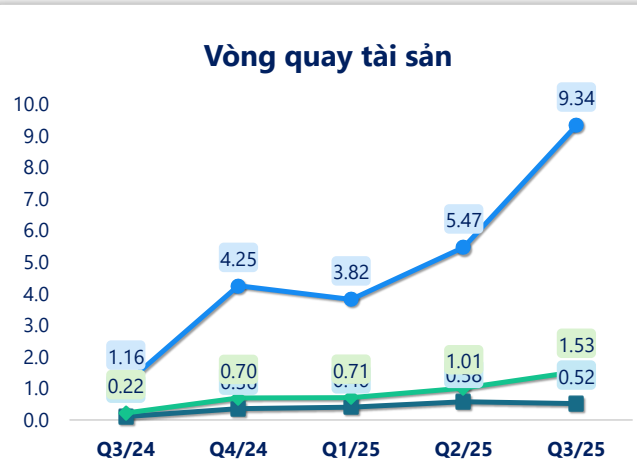
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**614**	**714**	**633**	**645**	**1,426**
Tài sản ngắn hạn	**493**	**587**	**508**	**434**	**1,019**
Tiền và tương đương tiền	28.5	85.8	18.7	44.9	3.51
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	5.00	5.00	0
Phải thu ngắn hạn	355	424	404	315	283
Hàng tồn kho	78.5	59.6	61.4	53.3	658
Tài sản ngắn hạn khác	30.7	17.5	18.9	16.1	74.5
Tài sản dài hạn	**121**	**127**	**126**	**211**	**406**
Phải thu dài hạn	43.4	48.5	48.5	135	332
Tài sản cố định	52.5	53.7	64.5	63.1	61.7
Bất động sản đầu tư	21.8	21.7	9.51	9.51	9.51
Tài sản dở dang	0.14	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.31	3.26	3.26	3.25	3.20
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**305**	**327**	**253**	**260**	**1,038**
Nợ ngắn hạn	**305**	**327**	**251**	**258**	**1,036**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	68.1	89.7	38.3	19.8	11.7
Phải trả người bán ngắn hạn	127	121	103	123	913
Nợ dài hạn	0	0	1.78	2.28	2.28
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**309**	**387**	**381**	**385**	**388**
Vốn chủ sở hữu	**309**	**387**	**381**	**385**	**388**
Vốn điều lệ	350	350	350	350	350
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)